UBND XÃ XUÂN HỒNG **TRƯỜNG MN XUÂN HỒNG B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 255/BC-MNXHB	*Xuân Hồng, ngày 04 tháng 06 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025–2026

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục mầm non;

Thực hiện Kế hoạch số 92/KH-SGDĐT ngày 13/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2026;

Thực hiện Công văn số 582/UBND-VHXH ngày 19/5/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Xuân Hồng về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2026

Thực hiện công văn số 1921 /SGDĐT-CTHSSV ngày 01 tháng 06 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CNTT,CĐS,thống kê giáo dục năm học 2025-2026;

Thực hiện Công văn số 662/UBND-VHXH ngày 04/6/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Xuân Hồng về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

Trường Mầm non Xuân Hồng B báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đơn vị báo cáo: Trường mầm non Xuân Hồng B

- Cán bộ đầu mối phụ trách: Nguyễn Thị Huế, chức vụ: Phó hiệu trưởng, số điện thoại: 0969892707

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CĐS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Nhà trường xác định ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS) là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và chất

lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình, UBND xã Xuân Hồng, nhà trường đã ban hành đầy đủ các kế hoạch, quyết định, quy chế liên quan đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

Nhà trường đã kiện toàn Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT và CĐS, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên một cách khoa học phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn, phát huy tối đa năng lực của các thành viên, ban hành Kế hoạch số 58/KH-MNXHB ngày 11/02/2026 về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2025-2026 (Kế hoạch điều chỉnh sau khi sáp nhập Trường mầm non Xuân Thành vào Trường mầm non Xuân Hồng B). Các nhiệm vụ chuyển đổi số được lồng ghép trong kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch kiểm tra nội bộ và các phong trào thi đua của đơn vị đảm bảo tính hiệu quả khi triển khai thực hiện đồng bộ trong nhà trường.

Bên cạnh đó, nhà trường đã ban hành Quy chế quản lí, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025 – 2026 theo Quyết định số 56/QĐ-MNXHB nhằm quy định rõ trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc sử dụng các phần mềm và hệ thống số, bảo đảm việc cập nhật, quản lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu chính xác, kịp thời, an toàn và hiệu quả, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị nhà trường, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số và nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

Nhà trường thường xuyên lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng các nền tảng số, phần mềm quản lý, học liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Đặc biệt chú trọng tuyên truyền về việc thay đổi thói quen làm việc từ môi trường truyền thống sang môi trường số, tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, văn bản điện tử và các phương thức trao đổi thông tin trực tuyến.

Bên cạnh công tác tuyên truyền nội bộ, nhà trường duy trì hiệu quả hoạt động của website, fanpage và các nhóm Zalo của lớp nhằm tăng cường kết nối giữa nhà trường với phụ huynh và cộng đồng. Các kênh thông tin này thường xuyên đăng tải tin bài về hoạt động chuyên môn, công tác chuyển đổi số, tuyển sinh, chăm sóc – giáo dục trẻ, hướng dẫn kỹ năng nuôi dạy con, phổ biến kiến thức chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và các hoạt động nổi bật của nhà trường.

Ban Giám hiệu thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc cập nhật dữ liệu,

sử dụng các hệ thống phần mềm, khai thác học liệu số, ứng dụng AI và thực hiện các quy định về bảo mật, an toàn thông tin trong toàn trường.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

Nhà trường triển khai đầy đủ và hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; thực hiện cập nhật thường xuyên dữ liệu trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định.

Nhà trường tiếp tục khai thác hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý trường học SMAS, phần mềm quản lý cán bộ CCVC, phần mềm TEMIS phục vụ công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, phần mềm PCGD-XMC, phần mềm kế toán MISA, phần mềm quản lý tài sản công, phần mềm dinh dưỡng Nutri All và Hệ thống quản lý văn bản, điều hành của tỉnh Ninh Bình. Các phần mềm được cập nhật, khai thác thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành, thống kê, báo cáo, lưu trữ hồ sơ và quản trị nhà trường.

Nhà trường đã duy trì và khai thác hiệu quả Cổng thông tin điện tử của nhà trường, thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo, tin tức hoạt động, thông báo, kế hoạch giáo dục, xây dựng kho học liệu số và các nội dung tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh. Cổng thông tin điện tử đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, công khai thông tin và tăng cường kết nối giữa nhà trường với phụ huynh, cộng đồng.

Nhà trường triển khai tuyển sinh trực tuyến đầu cấp thông qua Google Form được công khai trên website của trường, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh đăng ký nhập học cho trẻ.

Việc thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện hiệu quả và duy trì ổn định, đạt tỷ lệ 100% phụ huynh tham gia.

Đối với học bạ số và văn bằng số: Cấp học mầm non hiện chưa thực hiện học bạ số và văn bằng số theo quy định hiện hành.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin được quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo sử dụng tài khoản an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thực hiện thay đổi mật khẩu định kỳ và phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin trên môi trường mạng.

Về công tác thống kê giáo dục, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc thu thập, cập nhật, tổng hợp và báo cáo số liệu theo quy định của ngành Giáo dục. Dữ liệu về trẻ em, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính

và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục được cập nhật đầy đủ, chính xác trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các phần mềm quản lý chuyên ngành.

Nhà trường phân công cán bộ phụ trách công tác thống kê, thường xuyên rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa dữ liệu nhằm bảo đảm tính đồng bộ giữa các hệ thống quản lý. Các báo cáo định kỳ, đột xuất được thực hiện đúng thời gian quy định, số liệu bảo đảm tính chính xác, khách quan, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên.

Trong năm học 2025–2026, nhà trường đã khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ công tác dự báo quy mô phát triển trường lớp, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, bố trí đội ngũ, quản lý trẻ em trong độ tuổi và đánh giá chất lượng thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của đơn vị. Công tác thống kê giáo dục từng bước được thực hiện trên môi trường số, góp phần giảm hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng báo cáo.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. Phát triển, sử dụng học liệu số

100% giáo viên ứng dụng CNTT trong xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế bài giảng điện tử Powpoint và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Giáo viên tích cực xây dựng video hướng dẫn, trò chơi tương tác, mã QR học tập, học liệu điện tử và tài liệu tuyên truyền phục vụ hoạt động chuyên môn.

Trong năm học, giáo viên đã xây dựng và chia sẻ nhiều học liệu số như video hướng dẫn kỹ năng cho trẻ, bài giảng điện tử, kho hình ảnh, trò chơi tương tác trên Wordwall, Canva, Quizizz… và các nền tảng số khác. Các học liệu được lưu trữ, cập nhật thường xuyên để sử dụng trong các hoạt động giáo dục và sinh hoạt chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

3.2. Triển khai Thư viện số / thư viện điện tử

Nhà trường bước đầu hình thành nguồn học liệu số dùng chung thông qua lưu trữ trên Google Drive, các nhóm chuyên môn và nền tảng chia sẻ trực tuyến. Các tài liệu được sắp xếp theo từng lĩnh vực giáo dục, chủ đề, độ tuổi, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên khai thác và sử dụng.

Giáo viên thường xuyên chia sẻ tài nguyên số, sáng kiến kinh nghiệm, bài giảng điện tử, video giáo dục và các sản phẩm ứng dụng CNTT vào kho học liệu chung trên Cổng thông tin của nhà trường. Việc xây dựng nguồn học liệu số góp phần nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, tiết kiệm thời gian và tăng cường khả năng chia

sẻ, học tập lẫn nhau trong đội ngũ.

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia các lớp tập huấn về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, tham gia các khoá học về Khung năng lực số cho GVMN.

Nhà trường thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ, hướng dẫn sử dụng các công cụ AI như ChatGPT, Gemini, Canva AI, Suno AI trong xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế học liệu và xử lý công việc chuyên môn. Đội ngũ giáo viên chủ động tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số, từng bước nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong thực tiễn công tác.

3.4. Dạy học trực tuyến, ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Khoảng 82% giáo viên sử dụng thành thạo các công cụ như Canva, Wordwall, ChatGPT, Gemini, ME-QR, Suno AI… và các nền tảng hỗ trợ khác để thiết kế học liệu, xây dựng kế hoạch giáo dục, trò chơi học tập, video tuyên truyền và các sản phẩm phục vụ hoạt động chuyên môn.

Giáo viên khai thác hiệu quả các công cụ AI để xây dựng nội dung giáo dục, thiết kế hình ảnh, tạo video, biên soạn tài liệu tuyên truyền, hỗ trợ xây dựng kế hoạch giáo dục và đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ. Nhà trường khuyến khích giáo viên sử dụng AI đúng mục đích, đảm bảo an toàn thông tin và nâng cao chất lượng chuyên môn.

3.5. Các nội dung khác

100% nhóm, lớp được trang bị tivi hoặc thiết bị kết nối Internet phục vụ hoạt động giáo dục trẻ. Hệ thống mạng Internet được duy trì ổn định, đáp ứng yêu cầu khai thác tài nguyên số trong quản lý và giảng dạy.

Giáo viên thường xuyên chia sẻ hình ảnh, video hoạt động của trẻ, tài liệu hướng dẫn chăm sóc và giáo dục trẻ tới phụ huynh thông qua các nhóm Zalo lớp. Nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh trong việc sử dụng các nền tảng số, góp phần tăng cường kết nối giữa gia đình và nhà trường.

4. Triển khai phong trào Bình dân học vụ số (theo kế hoạch 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025)

Nhà trường đã triển khai tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các nội dung của phong trào Bình dân học vụ số tới 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn và các kênh truyền thông nội bộ.

Tăng cường hướng dẫn đội ngũ khai thác hiệu quả các nền tảng số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc. Khuyến khích cán bộ, giáo viên tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số thông qua các khóa học trực tuyến, tài liệu điện tử và hoạt động chia sẻ kinh nghiệm trong nhà trường.

Phong trào đã góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khả năng ứng dụng công nghệ của đội ngũ, từng bước hình thành môi trường làm việc số trong nhà trường.

5. Công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện chế độ báo cáo

Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; phân công lãnh đạo phụ trách theo dõi, đôn đốc và kiểm tra định kỳ việc khai thác, sử dụng các phần mềm quản trị, cơ sở dữ liệu ngành và các nền tảng số.

Thường xuyên kiểm tra việc cập nhật dữ liệu trên các hệ thống quản lý, hồ sơ điện tử, việc sử dụng học liệu số và ứng dụng CNTT trong hoạt động chuyên môn của giáo viên. Kịp thời nhắc nhở, hỗ trợ, hướng dẫn khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo yêu cầu của ngành; đảm bảo nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định. Kết quả kiểm tra cho thấy các bộ phận, cá nhân cơ bản thực hiện tốt các nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo kế hoạch đề ra.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/ Khó khăn
1	**Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá**			
1.1	Cơ sở giáo dục (CSGD) khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học	Có/Không	Không	
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh, học tập tương tác) đã triển khai	Mô hình	Không	
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	%	100%	

1.4	Tỷ lệ giáo viên thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	80%	
1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học 2025-2026	SL	Trên 50 giáo án điện tử đưa vào kho học liệu dùng chung	
2	**Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành**			
2.1	CSGD triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối thông suốt với CSDL ngành	Có/Không	Có	
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 100%)	%	100%	
2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 80%)	%	100%	
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả	Chưa triển khai đối với cấp học mầm non	
3	**Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt**			
3.1	CSGD triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học	Có/Không	Có	
3.2	CSGD thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Có/Không	Có	
3.3	CSGD triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến Cổng DVC quốc gia	Có/Không	Có	
4	**Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin**			
4.1	Số lượng đường truyền có kết nối Internet băng thông rộng	Có/Không	03	
4.2	CSGD đã triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường	%	100%	
4.3	Số lượng cuộc tự kiểm tra rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm của đơn vị	Cuộc	4	
4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại đơn vị	Mô tả	Triển khai thường xuyên, 100% CBGVNV tham gia	

III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tổng điểm Chuyển đổi số tại đơn vị: 88,5/100 điểm.

Tự xếp loại mức độ chuyển đổi số: **Mức độ 3**.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Ưu điểm:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các kế hoạch, quy chế, văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ trong toàn trường.

Hạ tầng CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục; 100% nhóm, lớp được trang bị thiết bị kết nối Internet phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Nhà trường duy trì hiệu quả việc sử dụng các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu ngành, hoạt động trên cổng thông tin điện tử, hệ thống văn bản điện tử và chữ ký số, dữ liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tập huấn về CNTT và chuyển đổi số; 100% giáo viên ứng dụng CNTT trong hoạt động chuyên môn, trên 80% giáo viên khai thác hiệu quả các công cụ AI phục vụ công việc.

Công tác truyền thông và phối hợp với phụ huynh được thực hiện hiệu quả trên môi trường số; 100% phụ huynh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Công tác thống kê giáo dục được thực hiện nền nếp, số liệu được cập nhật, rà soát và đối chiếu thường xuyên trên các hệ thống quản lý; các báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định.

Kết quả tự đánh giá chuyển đổi số của nhà trường đạt Mức độ 3.

2. Tồn tại, hạn chế:

Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giữa các giáo viên chưa thật sự đồng đều. Một số giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc khai thác các phần mềm mới, học liệu số và các công cụ trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác chuyên môn.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ giữa các điểm trường. Một số thiết bị đã sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác các phần mềm và nền tảng số hiện nay.

Việc xây dựng, cập nhật và chia sẻ học liệu số tuy đã được triển khai nhưng chưa thực sự phong phú.

3. Kiến nghị:

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng và chia sẻ kho học liệu số dùng chung tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục khai thác và sử dụng hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Đề nghị UBND xã và phòng ban chuyên môn quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học và hệ thống mạng Internet nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường.

Nơi nhận:
- Phòng VH-XH (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Ban chỉ đạo ƯDCNTT, CĐS;
- Ban truyền thông;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ XUÂN HỒNG T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN HỒNG B

Vũ Thị Duyên